

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HC-ST

Ngày: 26 - 02 - 2019

V/v “*Khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Khánh Vân

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Đỗ Mạnh Cường và ông Lý phúc Tân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:**
Ông Bàn Quang Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 2 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2018/TLST-HC ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-HC ngày 14 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HC ngày 30/01/2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Đoàn Thị N

Địa chỉ: Tổ 3B, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H - Phó chủ tịch UBND huyện S.

Địa chỉ: Số 091 phố Xuân Viên, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị M, Vắng mặt.

2. Ông Trần Văn L, có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Trần Văn T, có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Tổ 3B, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Năm 1992 bà N được bố đẻ là ông Đoàn Văn M, mẹ đẻ là bà Phí Thị D tặng cho 01 mảnh đất. Đến ngày 23/4/2003 bà N đã được UBND huyện P cấp giấy CNQSDĐ 150 m² tại GCN-QSD số 00566, từ khi được cấp GCNQSDĐ đến nay bà N ở ổn định không tranh chấp với ai.

Đến tháng 5/2018 bà N được biết bố, mẹ bà đã bị thu hồi đất và bà N cũng nghe nói gia đình bà có quyết định thu hồi đất, nhưng gia đình bà N chưa nhận được quyết định thu hồi.

Ngày 12/10/2018 gia đình bà N nhận được quyết định cưỡng chế số 1106/QĐ-UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất. Theo quyết định trên thì UBND huyện P thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà trong khi bà chưa nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu tòa án xem xét và hủy quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng bến xe khách thị trấn S và hủy một phần quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa bến xe khách thị trấn S liên quan đến gia đình bà N. Vì các quyết định trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Người bị kiện trình bày:

Về việc thu hồi đối với bà Đoàn Thị N - tổ 3B, thị trấn S, huyện P, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ để thu hồi đất thực hiện dự án: Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách Sa Pa, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng - sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển đô thị - theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 36 và Khoản 1 Điều 82 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; điểm b Khoản 2 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 Quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Về việc thu hồi đất hộ bà Đoàn Thị N được thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013.

Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe thị trấn S được thực hiện trải qua 02 giai đoạn của Luật Đất đai (Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013).

Luật Đất đai năm 2013 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: Tại Khoản 6, Điều 210 quy định: “6. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này”.

Do hộ bà **Đoàn Thị N** bị thu hồi đất tại Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018, nên căn cứ để thu hồi đất của hộ bà **Đoàn Thị N** được thực hiện theo Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, diện tích thu hồi là 151,2 m² đất (trong đó 150,0 m² đất ở đô thị và 1,2 m² đất trồng cây hàng năm khác). Phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018.

Sau khi phê duyệt Quyết định thu hồi và bồi thường, UBND huyện P mời hộ gia đình nhận tiền, nhận đất tái định cư và bàn giao đất đã thu hồi nhưng hộ bà Đoàn Thị N không hợp tác để thực hiện.

Để thực hiện quyết định thu hồi đất trên Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đoàn Thị N.

Như vậy, việc UBND huyện P căn cứ Luật Đất đai theo điều khoản của các quy định trên để thu hồi đất của hộ bà **Đoàn Thị N** đúng với quy định của pháp luật. Việc bà **Đoàn Thị N** yêu cầu hủy các quyết định trên của UBND huyện P; Chủ tịch UBND huyện P là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày: Về nguồn gốc diện tích khoảng hơn 300m² trong đó có 150m² đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ, khoảng 200m² đất trồng cây hàng năm chưa được cấp GCNQSDĐ là của vợ ông Thêm là bà Đoàn Thị N được bố mẹ đẻ tặng cho trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống và cùng nhau tạo dựng tài sản chung. Đến nay bà N khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định của

UBND huyện P ông hoàn toàn nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L trình bày:

Năm 1992 em dâu ông Lượng là bà Đoàn Thị N được bố mẹ để cho 01 mảnh đất khoảng 300 m². Đến năm 2003 đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ là 150 m² tại GCN-QSD số 00566, từ đó đến nay sử dụng ở ổn định không tranh chấp với ai. Năm 2002 bà N có chuyển nhượng lại cho mẹ để ông là bà Đào Thị M diện tích đất khoảng 100 m², trên đất đã có nhà ở tạm với giá là 50.000.000đ. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Lượng và mẹ là bà Mận sinh sống từ đó cho đến nay, đến năm 2015 thì nhập khẩu chung với hộ bà N. Ông Lượng nhất trí với quan điểm khởi kiện của bà Đoàn Thị N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Sau khi đối thoại người bị kiện đã ban hành các quyết định hành chính hủy bỏ các quyết định hành chính bị kiện nhưng khởi kiện không rút đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa người người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:

Đối với Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng hành chính đảm bảo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Xử theo hướng: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quyền khởi kiện của bà Đoàn Thị N: Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà. Quyết định trên ảnh

hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đoàn Thị N. Vì vậy bà Đoàn Thị N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 của Luật tố tụng hành chính và khởi kiện trong thời hạn luật định theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Quyết định bị kiện do Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Lào Cai ban hành. Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

[4] Xét tính hợp pháp của quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đoàn Thị N.

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013 thì Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 là đúng quy định của pháp luật.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 11/5/2018 UBND huyện P ban hành quyết định số 518/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Đoàn Thị N để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S, huyện P, đồng thời ban hành Quyết định số 516/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S liên quan đến hộ bà Đoàn Thị N và thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định. Sau đó có giấy mời người có đất thuộc diện thu hồi đến làm việc để vận động, thuyết phục phối hợp nhận tiền và bà giao đất đã thu hồi nhưng bà N không phối hợp.

Ngày 10/10/2018 UBND huyện P ban hành quyết định số 1719/QĐ-UBND về việc thành lập ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của hộ bà Đoàn Thị N đồng thời mời bà N đến vận động thuyết phục nhưng bà N không nhất trí bàn giao đất. UBND huyện P ban hành phương án số 2530/PA-BCC cưỡng chế thu hồi đất, đồng thời ban hành quyết định số 1106/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đoàn Thị N.

Như vậy về trình tự thủ tục ban hành quyết định đã được thực hiện theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

Về nội dung quyết định: Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đoàn Thị N có nội dung: “Áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đoàn Thị N đang sử dụng 151,2 m² đất, trong đó có 150,0 m² đất ở đô thị, 1,2 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác... Theo sơ đồ kèm theo quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện Sa Pa. Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ ngày 18/10/2018 đến khi thực hiện xong việc cưỡng chế...”. Xong theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ngày 04/12/2018 xác định: Tổng diện tích đất gia đình bà N đang sử dụng là 481,5m², trong đó có 113,1 m² bà N đã chuyển nhượng cho ông Lượng; bà N đang quản lý sử dụng 368,4 m², có 150m² đã được cấp GCNQSDĐ, còn lại 218,4m² chưa được cấp GCNQSDĐ. Khi khởi kiện Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P. Ngày 15/10/2018 bà N đã có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Xét thấy yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ. Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, buộc Chủ tịch UBND huyện P phải tạm đình chỉ thi hành quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đoàn Thị N. Vì vậy quyết định số 1106/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện P đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Bà N khởi kiện yêu cầu hủy quyết định trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đối với quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 về việc thu hồi đất và quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND huyện P, đây là các quyết định hành chính liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N. Tại phiên đối thoại bà N đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp và hủy các quyết định này. Xét thấy yêu cầu của bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[5.1] Xét tính hợp pháp của quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện Sa Pa về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S, huyện P đối với hộ bà Đoàn Thị N.

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 Luật đất đai 2013 thì thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, vì vậy UBND huyện P ban hành Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 thu hồi đất của hộ bà Đoàn Thị N là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 03/4/2017 UBND huyện P ban hành thông báo thu hồi đất số 40/TB-UBND để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S. Sau đó thực hiện niêm yết công khai theo quy định.

Ngày 04/4/2017 bà Đoàn Thị N đã ký nhận thông báo số 40/TB-UBND. Ngày 07/4/2017 Ban giải phóng mặt bằng huyện P ban hành thông báo số 22/TB-HĐBT về việc kiểm đếm đất, tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất, sau đó bàn giao cho bà Đoàn Thị N nhưng bà N không nhận.

Ngày 04/5/2017 Ban giải phóng mặt bằng huyện P đã lập biên bản với nội dung không thực hiện được nội dung kiểm đếm do bà Đoàn Thị N vắng mặt không lý do nên các thành phần tham gia không thực hiện được nội dung kiểm đếm để thực hiện các bước tiếp theo.

Ngày 02/8/2017 UBND thị trấn S đã tổ chức vận động các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi phối hợp để kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất nhưng hộ bà Đoàn Thị N không phối hợp để thực hiện việc kiểm đếm.

Ngày 10/8/2017 UBND huyện P ban hành thông báo số 02/TB về việc kiểm đếm đất, tài sản gắn liền với đất của hộ bà N và bàn giao cho gia đình bà N nhưng bà N không nhận thông báo. Đến ngày kiểm đếm gia đình bà N vắng mặt nên không thực hiện được việc kiểm đếm.

Ngày 04/01/2018 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P gửi công văn số 02/CV-TTPTQĐ cho Phòng tài nguyên và Môi trường huyện P về việc đề nghị áp dụng biện pháp kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 10/01/2018 Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định số 24/QĐ-UBND về việc kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà Đoàn Thị N và bàn giao cho bà N nhưng bà N không ký nhận, UBND thị trấn S đã tiến hành niêm yết công khai theo quy định.

Ngày 18/01/2018 UBND thị trấn S đã ban hành giấy mời số 21/GM-UBND về việc vận động, thuyết phục người có đất bị thu hồi phối hợp kiểm đếm đất, tài sản trên đất trong phạm vi quy hoạch dự án và bàn giao cho bà N nhưng bà N không nhận và không phối hợp kiểm đếm.

Ngày 22/01/2018 Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định số 71/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với bà Đoàn Thị N.

Ngày 24/01/2018 Ban thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc huyện P tổ chức buổi vận động, thuyết phục hộ có đất thu hồi phối hợp kiểm đếm đất, tài sản trên đất nhưng bà N vẫn không phối hợp.

Ngày 01/02/2018 UBND huyện P tiến hành lập biên bản kiểm đếm số lượng đất đai, tài sản, hoa màu trên diện tích đất của bà Đoàn Thị N.

Ngày 12/02/2018 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P ban hành thông báo số 27/TB-TTPTQĐ về việc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa bên xe khách thị trấn S. Ngày 28/02/2018 UBND huyện P đã tiến hành họp lấy ý kiến trực tiếp vào dự thảo phương án bồi thường nhưng các hộ dân không có ý kiến tham gia vào dự thảo phương án bồi thường vì chưa nhất trí chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 11/5/2018 UBND huyện P ban hành quyết định số 518/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Đoàn Thị N .

Như vậy, về trình tự, thủ tục ban hành quyết định thu hồi đất của UBND huyện P đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

Về nội dung quyết định: Quyết định 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P có nội dung: *“Thu hồi 151,2 m² đất, trong đó có 150,0 m² đất ở đô thị, 1,2 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác (vị trí 1) của hộ bà Đoàn Thị N tại tổ dân phố số 3B, thị trấn S, huyện P; chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S, huyện P”*. Xong như đã phân tích ở phần [4], diện tích đất bà N bị thu hồi theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P không đúng với diện tích đất bà N đang sử dụng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ngày 04/12/2018. Vì vậy việc người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P là có căn cứ.

[5.2] Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S liên quan đến hộ bà Đoàn Thị N.

Xét tính hợp pháp của quyết định:

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 thì UBND huyện P đã ban hành quyết định trên là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P được ban hành cùng ngày với Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P về việc thu hồi đất. Như vậy đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Về nội dung quyết định: Theo quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018, theo biểu tổng hợp chi tiết kèm theo thì hộ bà N được bồi thường tổng diện tích đất là $151,2 \text{ m}^2$, trong đó có 150 m^2 là đất ở đô thị; $1,20 \text{ m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác. Bồi thường về tài sản là 32.308.320đ; bồi thường về hoa màu là 2.809.700đ. Biểu tổng hợp chi tiết dựa trên biên bản kiểm đếm số lượng tài sản hoa màu ngày 01/02/2018. Tại biên bản kiểm đếm đất đai, tài sản, hoa màu ngày 01/02/2018 xác định tài sản trên đất có 01 nhà gỗ mái lợp ngói Proximang, tường tóc xi chiều cao tính đến xà ngang 2,8m, kết cấu chịu lực bằng gỗ phi 18 cm, kích thước (25,52 m). Xong theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ngày 04/12/2018 xác định: Tổng diện tích đất gia đình bà N đang sử dụng là $481,5 \text{ m}^2$, trong đó có $113,1 \text{ m}^2$ bà N đã chuyển nhượng cho ông Lượng; bà N đang quản lý sử dụng $368,4 \text{ m}^2$, có 150 m^2 đã được cấp GCNQSDĐ, còn lại $218,4 \text{ m}^2$ chưa được cấp GCNQSDĐ. Trên đất có 01 nhà xây 1 tầng mái lợp proximang, nền lát gạch men, chiều cao tính đến trần nhà 3.9m, kích thước $13,3 \text{ m} \times 7,5 \text{ m} = 99,75 \text{ m}$. Như vậy việc kiểm đếm đất đai, tài sản, hoa màu trên đất tại biên bản kiểm đếm chưa chính xác nên quyết định phê duyệt phương án chi tiết, bồi thường hỗ trợ tái định cư số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P liên quan đến hộ bà Đoàn Thị N cũng chưa chính xác, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Bà Đoàn Thị N yêu cầu hủy một phần quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và San tạo mặt bằng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn S liên quan đến hộ bà Đoàn Thị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Đối với quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND huyện P về việc hủy bỏ quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND huyện P; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 01/01/2019 của UBND huyện P về việc hủy bỏ quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018; Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND huyện P về việc hủy bỏ quyết

định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P; Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND huyện P về việc hủy bỏ quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND huyện P; Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện P về việc hủy bỏ quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P.

Các quyết định trên đều là quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên cần xem xét tính hợp pháp của các Quyết định trên.

[6.1] Đối với quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND huyện P về việc hủy bỏ quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND huyện P.

Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 do Chủ tịch UBND huyện P ban hành nên việc UBND huyện P ban hành quyết định số 01/QĐ-UBND hủy bỏ quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên ngày 22/01/2019 UBND huyện P đã ban hành quyết định số 74/QĐ-UBND về việc hủy bỏ quyết định Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND huyện Sa Pa.

[6.2] Đối với Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 01/01/2019 về việc hủy bỏ quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 và Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND huyện P về việc hủy bỏ quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND huyện P:

Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 và quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 đều do UBND huyện P ban hành, nên việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 01/01/2019 và Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 hủy 02 quyết định nêu trên là hợp pháp, đúng theo quy định tại Khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính.

[6.3] Đối với Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND huyện P về việc hủy bỏ quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND huyện P:

Như đã phân tích ở phần [6.1], Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 do Chủ tịch UBND huyện P ban hành nên việc UBND huyện P ban hành quyết định số 01/QĐ-UBND hủy bỏ quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P là không đúng thẩm quyền. Sau khi phát hiện ra sai sót, ngày 22/01/2019 UBND huyện P đã ban hành quyết định số

74/QĐ-UBND về việc hủy bỏ quyết định Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND huyện P. Quyết định số 74/QĐ-UBND của UBND huyện P là hợp pháp nên được chấp nhận.

[6.4] Đối với Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện P về việc hủy bỏ quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P .

Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 do Chủ tịch UBND huyện P ban hành nên việc Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định số 77/QĐ-UBND hủy bỏ quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P là hợp pháp. Phù hợp quy định tại Khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính.

Như vậy yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N về việc hủy quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất; hủy quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 về việc thu hồi đất và hủy một phần quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến gia đình bà N là có căn cứ. Tuy nhiên các quyết định trên đã được Chủ tịch UBND huyện P và UBND huyện P hủy bỏ, quyết định hủy bỏ các quyết định trên là đúng quy định và hợp pháp. Quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà N chưa bị xâm phạm, nên yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N không được Tòa án chấp nhận.

[7] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 263/2018/QĐ-ADBPKCTT ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai về việc Tạm đình chỉ thi hành quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ bà Đoàn Thị N. Xét thấy căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn nên HĐXX ban hành Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời là phù hợp.

[8] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không được Tòa án chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng khác: Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện P phải chịu toàn bộ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 358 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N.

2. Về án phí: Người khởi kiện bà Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000328 ngày 15/10/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải hoàn trả cho bà Đoàn Thị N 3000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, là số tiền bà N đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Các đương sự;
- Cục THADS;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Khánh Vân

